# Bản đồ phòng ngừa thảm họa Khu tự quản Yokone - Obu

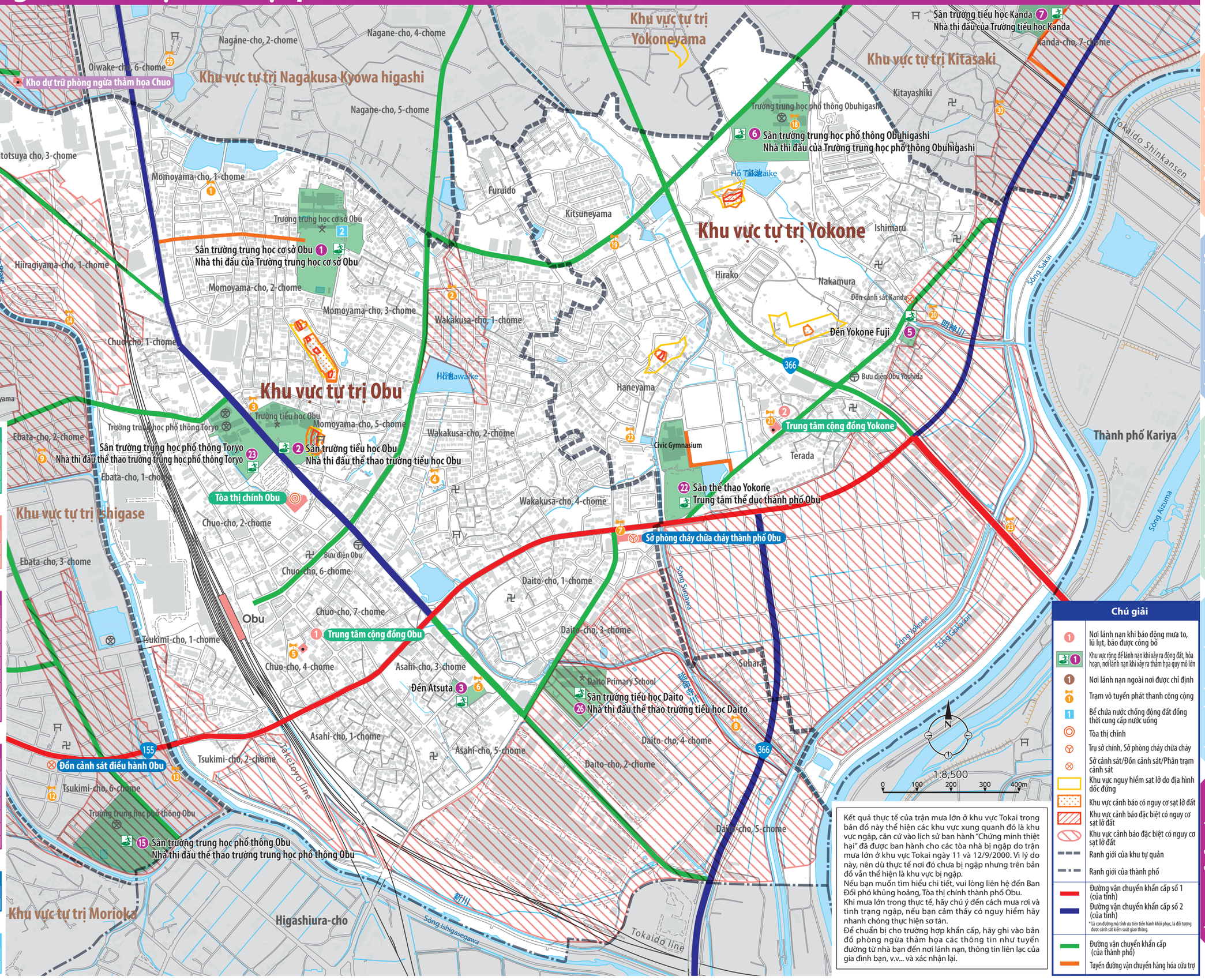


| Multiple Addressing Wireless Transmission Station | |
|---|---|
| Số | Vị trí lắp đặt |
| [Trạm chủ] | |
| Tòa thị chính Obu, Trụ sở phòng cháy chữa cháy chính thành phố Obu | |
| [Trạm loa phóng thanh ngoài trời] | |
| 1 | Công viên Rokkaen |
| 2 | Sân vui chơi trẻ em Kawaike |
| 3 | Trường tiểu học Obu |
| 4 | Công viên Ishigame |
| 5 | Trung tâm cộng đồng Obu |
| 6 | Đến Obu Atsuta |
| 7 | Trụ sở phòng cháy chữa cháy chính thành phố Obu |
| 8 | Hội trường Obu Shinden |
| 14 | Công viên Hanasakidai |
| 18 | Trường trung học phổ thông Obu Higashi |
| 19 | Trung tâm hội trường Iki Iki (năng động) thành phố Obu |
| 20 | Trung tâm phúc lợi xã hội cho trẻ em và người cao tuổi Kanda |
| 21 | Trung tâm cộng đồng Yokone |
| 22 | Yokone-machi, Haneyama |
| 23 | Yokone-machi, Shine |

**Trụ sở chính và chi nhánh biện pháp phòng chống thiệt hại do thiên tai**

| Tên | Địa chỉ Location | Điện thoại |
|---|---|---|
| Trụ sở chính biện pháp phòng chống thiệt hại do thiên tai | Tòa thị chính Obu | 47-2111 |
| Văn phòng chi nhánh Obu | Trung tâm cộng đồng Obu | 48-1007 |
| Văn phòng chi nhánh Yokone | Trung tâm cộng đồng Yokone | 46-7722 |

**Nơi lánh nạn khi báo động mưa to, lũ lụt, bão được công bố**

| | Tên | Địa chỉ |
|---|---|---|
| 1 | Trung tâm cộng đồng Obu | 195, 4-chome Chuo-cho |
| 2 | Trung tâm cộng đồng Yokone | 295, Hirachi, Yokonemachi |

*Có kho dự trữ thiết bị phòng ngừa thảm họa

**Khu vực lánh nạn khi có hỏa hoạn, động đất**

| | Tên | Địa chỉ |
|---|---|---|
| 1 | Sân trường trung học cơ sở Obu | 216, Momoyama-cho 3-chome |
| 2 | Sân trường tiểu học Obu | 44, Momoyama-cho 5-chome |
| 3 | Đến Atsuta | 26-1, Asahi-cho 4-chome |
| 5 | Đến Yokone Fuji | Yokone-machi, Sosaku 20 |
| 6 | Sân trường trung học phổ thông Obuhigashi | 1-4, Hizaori, Yokone-machi |
| 22 | Sân Yokone | 1-3, Hiraike, Yokone-machi |
| 23 | Nhà thi đấu thể thao trường trung học phổ thông Toryo | 15, Chuo-cho 5-chome |
| 26 | Sân trường tiểu học Daito | 61, Daito-cho 2-chome |

**Nơi lánh nạn khi xảy ra thảm họa quy mô lớn**

| | Tên | Địa chỉ |
|---|---|---|
| 1 | Nhà thi đấu thể thao trường trung học cơ sở Obu | 216, Momoyama-cho 3-chome |
| 2 | Nhà thi đấu thể thao trường tiểu học Obu | 44, Momoyama-cho 5-chome |
| 6 | Sân trường trung học phổ thông Obu Higashi | 1-4, Hizaori, Yokone-machi |
| 22 | Trung tâm thể dục thành phố Obu | 1-3, Hirachi, Yokone-machi |
| 23 | Sân trường trung học phổ thông Toryo | 15, Chuo-cho 5-chome |
| 26 | Nhà thi đấu thể thao trường tiểu học Daito | 61, Daito-cho 2-chome |

*Có kho dự trữ thiết bị phòng ngừa thảm họa

**Cơ quan liên quan đến phòng chống thiên tai**

| Tên | Số điện thoại |
|---|---|
| Trụ sở chính, Sở phòng cháy chữa cháy | 47–0119 |

**Bể chứa nước chống động đất đồng thời cung cấp nước uống**

| | Tên | Địa chỉ |
|---|---|---|
| 2 | Trường trung học cơ sở Obu | 216, Momoyama-cho 3-chome |

Kết quả thực tế của trận mưa lớn ở khu vực Tokai trong bản đồ này thể hiện các khu vực xung quanh đó là khu vực ngập, căn cứ vào lịch sử ban hành "Chứng minh thiệt hại" đã được ban hành cho các tòa nhà bị ngập do trận mưa lớn ở khu vực Tokai ngày 11 và 12/9/2000. Vì lý do này, nên dù thực tế nơi đó chưa bị ngập nhưng trên bản đồ vẫn thể hiện là khu vực bị ngập.
Nếu bạn muốn tìm hiểu chi tiết, vui lòng liên hệ đến Ban Đối phó khủng hoảng, Tòa thị chính thành phố Obu.
Khi mưa lớn trong thực tế, hãy chú ý đến cách mưa rơi và tình trạng ngập, nếu bạn cảm thấy có nguy hiểm hãy nhanh chóng thực hiện sơ tán.
Để chuẩn bị cho trường hợp khẩn cấp, hãy ghi vào bản đồ phòng ngừa thảm họa các thông tin như tuyến đường từ nhà bạn đến nơi lánh nạn, thông tin liên lạc của gia đình bạn, v.v... và xác nhận lại.

**Chú giải**

| | |
|---|---|
| 1 | Nơi lánh nạn khi báo động mưa to, lũ lụt, bão được công bố |
| 1 | Khu vực rộng để lánh nạn khi xảy ra động đất, hỏa hoạn, nơi lánh nạn khi xảy ra thảm họa quy mô lớn |
| 1 | Nơi lánh nạn ngoài nơi được chỉ định |
| 1 | Trạm vô tuyến phát thanh công cộng |
| 1 | Bể chứa nước chống động đất đồng thời cung cấp nước uống |
| | Tòa thị chính |
| | Trụ sở chính, Sở phòng cháy chữa cháy |
| | Sở cảnh sát/Đồn cảnh sát/Phân trạm cảnh sát |
| | Khu vực nguy hiểm sạt lở do địa hình dốc đứng |
| | Khu vực cảnh báo có nguy cơ sạt lở đất |
| | Khu vực cảnh báo đặc biệt có nguy cơ sạt lở đất |
| | Khu vực cảnh báo đặc biệt có nguy cơ sạt lở đất |
| | Ranh giới của khu tự quản |
| | Ranh giới của thành phố |
| | Đường vận chuyển khẩn cấp số 1 (của tỉnh) |
| | Đường vận chuyển khẩn cấp số 2 (của tỉnh) |
| | * Là con đường mà tỉnh ưu tiên tiến hành khôi phục, là đối tượng được cảnh sát kiểm soát giao thông. |
| | Đường vận chuyển khẩn cấp (của thành phố) |
| | Tuyến đường vận chuyển hàng hóa cứu trợ |